

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|----------------|---|
| 1 | Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | * Thời hạn giải quyết: 23 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. |
| 2 | Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | * Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|--|--|----------------|--|
| 3 | Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch | 14 ngày | Bộ phận một cửa cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ. |
| 4 | Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 30 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Thông tư số 03/2024/TT- BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 5 | Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 30 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | |
| 6 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền | * Thời hạn giải quyết: 26 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. <i>Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

| TT | Tên TTHC | Nội dung sửa đổi | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---------------------|---|--|---|--|
| 1 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm | Thời hạn giải quyết | * Thời hạn giải quyết: 45 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định đề án:</i> Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; phí thăm |
| 2 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm | Thời hạn giải quyết | * Thời hạn giải quyết: 38 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định báo cáo:</i> Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | |
| 3 | Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất | Thời hạn giải quyết | * Thời hạn giải quyết: 45 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày | Trung tâm Phục vụ | Theo quy định tại Nghị quyết | |

| TT | Tên TTHC | Nội dung sửa đổi | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---------------------|---|--|---|---|
| | đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm | | làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định báo cáo:</i> Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. | hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định. |
| 4 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm | Thời hạn giải quyết | * Thời hạn giải quyết: 38 ngày <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. <i>Thời hạn thẩm định báo cáo:</i> Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định. |
| 5 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | Thời hạn giải quyết | * Thời hạn giải quyết: 24 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | |

| TT | Tên TTHC | Nội dung sửa đổi | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|-----------------------|---|---|--|--|
| | | | <p>không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày.</p> | | | |
| 6 | <p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ</p> | <p>Căn cứ pháp lý</p> | <p>* Thời hạn giải quyết: 17 ngày</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh</p> | <p>Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017</p> | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</p> |

| TT | Tên TTHC | Nội dung sửa đổi | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---------------------|---|--|---|---|
| 7 | Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | Thời hạn giải quyết | <p>* Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc</p> <p>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | |
| 8 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành | Thời hạn giải quyết | <p>* Thời hạn giải quyết: 26 ngày</p> <p><i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p><i>Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.</p> |
| 9 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành | Thời hạn giải quyết | <p>Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó:</p> <p>- 45 ngày (<i>trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>);</p> <p>- 38 ngày (<i>trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>)</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ.</p> |

| TT | Tên TTHC | Nội dung sửa đổi | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---------------------|--|--|----------------|----------------|
| 10 | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | Thời hạn giải quyết | 21 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | |
| 11 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển | Thời hạn giải quyết | Thời hạn giải quyết: 14 ngày (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày). | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|--|---|--|---|---|
| I | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | | | | | |
| 1 | Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác | * Thời hạn giải quyết: 45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày |

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|---|--|--|
| | | <p>với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm</p> | <p>ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p> | | | <p>10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</p> |
| 2 | <p>Gia hạn điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển</p> | <p>Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2 m³/giờ trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 5 m³/giờ trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước</p> | <p>* Thời hạn giải quyết: 38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án.</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh</p> | <p>Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017</p> | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</p> |

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|---|--|--|---|
| | | biên cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000 m ³ /ngày đêm trở lên. | Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. | | | |
| 3 | Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | Trả lại giấy phép tài nguyên nước | <p>* Thời hạn giải quyết: 23 ngày</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ.</p> |
| 4 | Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | Cấp lại giấy phép tài nguyên nước | <p>* Thời hạn giải quyết: 17 ngày</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ,</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và | Theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP</p> |

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|---|--|----------------|---|
| | | | <p>Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> | HTDN tỉnh | ngày 10/7/2017 | <p>của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</p> |
| 5 | Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện | Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi | <p>* Thời hạn giải quyết: 49 ngày</p> <p>Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ.</p> |

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|--|--|--|---|---------------------------------------|--|
| | | | UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa. | | | |
| 6 | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên | 56 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả | |
| II | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN | | | | | |
| 1 | Đăng ký, khai thác sử dụng nước dưới đất | Đăng ký khai thác nước dưới đất | 14 ngày | Bộ phận một cửa UBND cấp xã hoặc Bộ phận một cửa UBND cấp huyện | Không quy định | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ. |
| 2 | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ | 42 ngày | Bộ phận một cửa UBND cấp xã hoặc | Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả | |

| TT | Tên TTHC thay thế | Tên TTHC bị thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|---------------------|--------------------------------|-------------|----------------|
| | (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) | chứa, đập dâng trên sông, suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên. | | Bộ phận một cửa UBND cấp huyện | | |

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

| TT | Mã TTHC | Tên TTHC | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC |
|----|------------------------|---------------------------------|--|
| 1 | 1.001662.000.00.00.H40 | Đăng ký khai thác nước dưới đất | - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ. |